

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 22 - 11 - 2019

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Phước Đại

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Trương

2. Bà Trần Thị Thùy Linh

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Hoài Ân – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 246/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2019/QĐ-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Huyền T, sinh năm 1992 (có mặt)

Trú tại: ấp A, xã M, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1986 (vắng mặt).

Trú tại: ấp P, xã Đ, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Chị Lê Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 19/6/2013. Vợ chồng chung sống một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ và đã ly thân từ năm 2016 đến nay. Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 26/7/2014. Hiện cháu N

đang sống với chị T. Về tài sản chung, nợ chung không có. Chị T yêu cầu ly hôn; về con chung chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng; Tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh H, mặc dù Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên không thể lấy lời khai được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, về con chung giao trẻ Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 26/7/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung, nợ chung không có, về án phí nguyên đơn phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Thanh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Chị Trang và anh H có đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Quá trình chung sống giữa chị T và anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn, anh chị không còn sống chung với nhau, vợ chồng không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau, cho thấy mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Tại tòa chị Trang giữ nguyên yêu cầu ly hôn và anh H vẫn vắng mặt cho thấy không có động thái gì hàn gắn tình cảm vợ chồng nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Lê Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh H được ly hôn.

[3] Chị Trang và anh Huy có 01 con chung tên Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 26/7/2014, chị T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng. Xét thấy cháu N sống trực tiếp với chị T từ khi chị T và anh H sống ly thân đến nay. Hơn nữa, chị T có việc làm ổn định và cháu N là nữ sống với mẹ sẽ đảm bảo cho việc phát triển của cháu. Do đó để tránh làm xáo trộn cuộc sống của cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Huyền T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Huyền T và anh Nguyễn Thanh H được ly hôn.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Lê Thảo N, sinh ngày 26/7/2014 cho chị Lê Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trẻ tròn 18 tuổi. Anh H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị Trang đã nộp theo biên lai số 0021603 ngày 09/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Phước Đại